

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2026/DS-ST
Ngày 02-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Kim, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2026/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Tầng 12 toà NVA, số 9 DT, PCG, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần M: Ông Bùi Công T là Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần M: Ông Đặng Quốc Đ là Giám đốc xử lý nợ vùng miền nam II. Theo văn bản uỷ quyền ngày 01/8/2024. Địa chỉ liên hệ: 485B NĐC, PBC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người nhận uỷ quyền của ông Đặng Quốc Đ :

1. Ông Nguyễn AP (có mặt)

2. Bà Vũ Thị T (vắng mặt)

3. Ông Hoàng Đức T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Công ty Cổ phần M – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Tầng 4, Tòa nhà CityHouse, 485B NĐC, PBC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 09/01/2026.

2. Ngân hàng TMCP a

Địa chỉ: Toà VPBank Tower, số 89 LH, PDD, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP a: Ông Ngô Chí D là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng TMCP a:

1. Ông Ngô Nhật L là Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt)

Căn cước công dân số 089098009033, cấp ngày 20/6/2023.

2. Ông Nguyễn Toàn P là Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt)

Căn cước công dân số 089097008234, cấp ngày 06/8/2023.

3. Ông Lê Văn M là Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)

Căn cước công dân số 096098006515, cấp ngày 27/10/2022.

Theo văn bản uỷ quyền ngày 29/6/2026.

- *Bị đơn:*

1. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Căn cước công dân số 096084000561, cấp ngày 04/4/2021.

2. Bà Ngô Thị V, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Căn cước công dân số 096192000512, cấp ngày 04/4/2021.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 3 (ấp 9 cũ), XKA, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bùi Văn B (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị K (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 3 (ấp 9 cũ), XKA, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Châu Thị Ngọc M (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm 16, PAX, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 10/8/2025 cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn AP là người nhận uỷ quyền của Công ty cổ phần M trình bày:*

Ngân hàng thương mại cổ phần a (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Bùi Văn H, bà Ngô Thị V có ký hợp đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2408073416383 ngày 27/8/2024, ông H và bà V vay số tiền vốn 1.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng, lãi suất vay 10,8%/năm được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn cố định lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, biên độ cộng 3,5%/năm. Mục đích vay là mở rộng vốn nuôi và bán tôm cá.

Để đảm bảo khoản vay của ông H bà V thì bà K và ông B có thể chấp phần đất diện tích 418,2m², thuộc thửa 108 tờ bản đồ số 85 đất tọa lạc tại Khóm 16, PAX, tỉnh Cà Mau theo hợp đồng thế chấp số LN2408073416383 ngày 23/8/2024.

Quá trình vay, ông H bà V đã thanh toán được tiền lãi 14.650.365 đồng đối

với hợp đồng vay ngày 27/8/2024. Từ ngày 05/11/2024 ông H bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký với ngân hàng.

Vào ngày 28/3/2025 Công ty cổ phần M (gọi tắt là Công ty) đã thống nhất thỏa thuận mua bán với Ngân hàng TMCP a đối với khoản nợ vay của ông H bà V với tỷ lệ 95% theo Hợp đồng vay số LN2408073416383 ngày 27/8/2024.

Ngân hàng và Công ty đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu ông H bà V thanh toán vốn và lãi theo hợp đồng đã ký nhưng đến nay ông bà chưa thanh toán.

Nay Công ty yêu cầu ông H bà V có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty tính đến ngày 02/6/2026 với số tiền là 1.207.858.934 đồng theo hợp đồng đã ký ngày 27/8/2024, trong đó vốn vay là 950.000.000 đồng, lãi 257.858.934 đồng. Đồng thời ông H bà V còn tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 03/7/2026 đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng đã ký với ngân hàng. Trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để Công ty thu hồi nợ vay.

**Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông Lê Văn M là người nhận ủy quyền của Ngân hàng TMCP a trình bày:*

Ngân hàng thống nhất với phần trình bày của Công ty. Do vợ chồng ông H bà V còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 02/7/2026 theo tỷ lệ 5% với số tiền 63.571.523 đồng, trong đó vốn vay là 50.000.000 đồng, lãi 13.571.523 đồng. Đồng thời ông H bà V còn tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 03/7/2026 đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng đã ký với ngân hàng. Trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nêu trên để Ngân hàng thu hồi nợ vay.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng theo quy định. Riêng ông Đẩu vắng mặt nên thực hiện chưa đúng theo quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án cũng như quá trình thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ cho rằng yêu cầu của Công ty và Ngân hàng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty và Ngân hàng. Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty cổ phần M và Ngân hàng thương mại cổ phần a khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị V có nghĩa vụ thanh toán nợ nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng; ông H bà V có địa chỉ cư trú tại ấp 9, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau nay là ấp 3, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty và Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông H bà V ông B bà K và bà M không có văn bản ý kiến và vắng mặt khi xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các ông bà theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Công ty cổ phần M và Ngân hàng thương mại cổ phần a yêu cầu bà V ông H có nghĩa vụ thanh toán tiền vay còn nợ cho Ngân hàng và Công ty tính đến ngày 02/6/2026 theo hợp đồng vay đã kí ngày 27/8/2024. Xét thấy, yêu cầu của ngân hàng là có cơ sở. Bởi vì, việc ông H bà V vay tiền có trực tiếp ký hợp đồng với Ngân hàng được thể hiện tại hợp đồng tín dụng ngày 27/8/2024 và có nhận số tiền vốn vay là 1.000.000.000 đồng. Đồng thời tại Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-MARS ngày 28/3/2025 Công ty và Ngân hàng đã thỏa thuận mua bán 95% khoản nợ theo hợp đồng vay mà ông H bà V đã kí ngày 27/8/2024 như nguyên đơn trình bày là phù hợp. Quá trình vay ông H bà V không thanh toán vốn và lãi như thỏa thuận. Vì vậy, tính đến ngày 02/7/2026 ông H bà V còn nợ Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 63.571.523 đồng và nợ Công ty số tiền vốn và lãi là 1.207.858.934 đồng.

Đồng thời để đảm bảo các khoản vay thì tại hợp đồng thế chấp tài sản số LN2408073416383 ngày 23/8/2024 ông B bà K có thể chấp tài sản là phần đất diện tích 418,2m², thuộc thửa 108 tờ bản đồ số 85 đất tọa lạc tại Khóm 16, PAX, tỉnh Cà Mau để đảm bảo khoản vay của bà V ông H và hiện nay phần đất do bà M quản lý là phù hợp với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/4/2026.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông H bà V có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ

khoản nợ theo yêu cầu của Ngân hàng và Công ty. Trường hợp không thanh toán thì Ngân hàng và Công ty có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với hợp đồng tín dụng: Xét, hợp đồng tín dụng ký ngày 27/8/2024 giữa ông H bà V ký với Ngân hàng có quy định lãi suất. Do đó, kể từ ngày 03/7/2026 bà V ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký nêu trên cho đến khi ông bà thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về chi phí tố tụng: Công ty đã nộp chi phí thẩm định 1.000.000 đồng. Xét thấy do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn lại chi phí này cho Công ty là phù hợp.

[6] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 1, 3 Điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 99, 100, 102, 103 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần M và Ngân hàng thương mại cổ phần a với ông Bùi Văn H, bà Ngô Thị V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần M số tiền nợ tính đến ngày 02/7/2026 là 1.207.859.000 đ (Một tỷ hai trăm lẻ bảy triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo hợp đồng cho vay số LN2408073416383 ngày 27/8/2024 của Ngân hàng TMCP a và Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-M ngày 28/3/2025 của Công ty cổ phần M với Ngân hàng TMCP a.

2. Buộc ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân

hàng thương mại cổ phần a số tiền nợ tính đến ngày 02/7/2026 là 63.571.500 đ (Sáu mươi ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm đồng) theo hợp đồng cho vay số LN2408073416383 ngày 27/8/2024 của Ngân hàng TMCP a và Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-M ngày 28/3/2025 của Công ty cổ phần M với Ngân hàng TMCP a.

3.Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng và Công ty có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp phần đất diện tích 418,2m², thuộc thửa 108 tờ bản đồ số 85 đất tọa lạc tại Khóm 16, PAX, tỉnh Cà Mau theo hợp đồng thế chấp số LN2408073416383 ngày 23/8/2024.

4.Chi phí tố tụng khác: Buộc ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị V hoàn lại cho Công ty cổ phần M chi phí thẩm định với số tiền 1.000.000 đ (Một triệu đồng). Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty cổ phần M (đối với chi phí tố tụng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền này, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5.Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày 03/7/2026 ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ ngân hàng.

6.Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị V phải chịu án phí với số tiền 50.143.000 đ (Năm mươi triệu một trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Công ty cổ phần M và Ngân hàng thương mại cổ phần a không phải chịu án phí. Vào ngày 31/10/2025 Công ty cổ phần M có dự nộp 21.610.000 đ (Hai mươi một triệu sáu trăm mười nghìn nghìn đồng) theo biên lai số 0003664; Ngân hàng TMCP a có dự nộp 1.369.000 đ (Một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0003662 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8.Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kiều Trang